

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 01 – 2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng, Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2023/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 399/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1991 (có yêu cầu giải quyết mặt)

Địa chỉ ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên hệ: ấp C, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn L1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ ấp L, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị Mỹ L trình bày như sau:**

Vào năm 2018 do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nên tôi và anh Trịnh Văn L1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và cho phép tổ chức lễ cưới theo phong tục, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2018. Sau ngày cưới chúng tôi lên Bình Dương tìm việc làm, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và quan tâm chăm sóc cho nhau. Đến năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tôi và anh L1 chưa hiểu hết tính tình của nhau thường bất đồng quan điểm sống. Thời gian gần đây anh thường sinh tật ghen tuông vô cớ thường lớn tiếng chửi bới xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của tôi, anh còn đánh đập tôi rất nhiều lần, suia đuổi tôi không cho tôi ở chung với anh buộc lòng tôi phải dọn ra bên ngoài. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 10/9/2023 đến nay, từ lúc ly thân hai bên không bên nào tạo điều kiện hàn gắn.

Đến nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chúng tôi không còn yêu thương và giành tình cảm cho nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên không thể tiếp tục sống chung với nhau.

Về con chung: chị và anh L1 so 01 đứa con tên Trịnh Khả Q, sinh ngày 02/12/2019, tôi đồng ý giao cho anh L1 nuôi và tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay yêu cầu:

- Về hôn nhân: tôi yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn L1
- Về con chung: đồng ý giao con tên Trịnh Khả Q, sinh ngày 02/12/2019, cho anh L1 nuôi và tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.
- Tài sản chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết
- Về nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trịnh Văn L1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày***

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có đơn yêu cầu là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Cho chị Đặng Thị Mỹ L ly hôn với anh Trịnh Văn L1

+ Về con chung: đề nghị HĐXX giao cháu Trịnh Khả Q, sinh ngày 02/12/2019, cho anh L1 nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ghi nhận ý kiến của chị L cấp nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm 03/01/2024.

- Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên đề nghị không đặt xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn anh Trịnh Văn L1.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: chị Đặng Thị Mỹ L và anh Trịnh Văn L1 là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, chị L và anh L1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và L1 là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng chị L cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị L và anh L1 đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án có thông báo cho các bên để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, động viên các bên thỏa thuận nhưng phía bị đơn anh L1 không tham dự.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh L1 trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Mỹ L. Cho chị Đặng Thị Mỹ L ly hôn với anh Trịnh Văn L1.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị L và anh L1 có 01 con chung tên Trịnh Khả Q, sinh ngày 02/12/2019, hiện đang sống với gia đình anh L1

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L đồng ý giao con cho anh L1 nuôi. Xét thấy từ khi chị L bỏ đi thì cháu Q vẫn theo sống với gia đình anh L1 cháu vẫn phát triển bình thường và phía gia đình anh L1 cũng xác định việc anh L1 đồng ý nuôi con. Vì vậy, nhằm tránh để xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu nên giao cháu Q cho anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng xét việc tự nguyện của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 03/01/2024 (ngày xét xử sơ thẩm).

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị L không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí của chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011091 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, chị L còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Mỹ L. Chị Đặng Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trịnh Văn L1.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Khả Q, sinh ngày 02/12/2019 cho anh Trịnh Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Đặng Thị Mỹ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 03/01/2024.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị L không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: chị Đặng Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tiền án phí của chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011091 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, chị L còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh